

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUANG BÌNH,
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HS-ST
Ngày 24-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Quý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Thập - Chủ tịch Hội Cựu chiến binh huyện B.
2. Ông Trần Hữu Ước - Chủ tịch Hội Nông dân huyện B.

- Thư ký phiên toà: Ông Hà Mạnh Cường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Lù Thanh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2019/TLST-HS ngày 15/8/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HS ngày 10/9/2019 đối với:

Bị cáo: Hoàng Hưng Q, sinh ngày 20/4/1942, tại xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 9/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn X (đã chết) và bà Hoàng Thị Đ (đã chết); có vợ là Hoàng Thị N và 07 con, con lớn sinh năm 1966, con nhỏ sinh năm 1986; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/5/2019; hiện bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Bị hại: Ủy ban nhân dân huyện B do ông Phùng Viết A, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ U, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; chức vụ: Phó Chủ tịch, là người đại diện theo ủy quyền; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; có mặt.
2. Anh Hoàng Hải H, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; có mặt.
3. Anh Lục Văn D, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ R, phường K, thành phố M, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

** Người tham gia tố tụng khác:*

1. Hạt Kiểm lâm huyện B do ông Nguyễn Trọng K, chức vụ: Kiểm lâm viên, là người đại diện theo ủy quyền; có mặt.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B do ông Đặng Đình E, chức vụ: Chuyên viên, là người đại diện theo ủy quyền; có mặt.

3. Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B do ông Cao Xuân I, chức vụ: Phó Trưởng phòng, là người đại diện theo ủy quyền; có mặt.

4. Văn phòng quản lý đất đai huyện B do ông Bùi Văn L, chức vụ: Cán bộ, là người đại diện theo ủy quyền; có mặt.

5. UBND xã S, huyện B do ông Nguyễn Văn P, chức vụ: Chủ tịch, là người đại diện theo pháp luật; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 1973, Hoàng Hưng Q tự khai phá diện tích rừng khoảng 10.000m² để làm nhà lán, đào ao, trồng hoa màu, đồng thời tự nhận trông coi, bảo vệ khu rừng này, đặc điểm là rừng tự nhiên (rừng hỗn giao gỗ - vầu), vị trí đầu nguồn nước, thuộc loại rừng sản xuất với diện tích khoảng 60.000m² (bao gồm cả 10.000m² trên), sau khi được phân rõ mốc gianh giới, diện tích đất rừng này thuộc một phần thửa đất số 308, tờ bản đồ số 02 xã S, tỷ lệ 1/10.000 (địa phương gọi là khu rừng G); thuộc lô 39655, khoảnh 7, tiểu khu 330, địa phận thôn O, xã S, huyện B, tỉnh Hà Giang (theo Bản đồ điều chỉnh quy hoạch đất lâm nghiệp và ba loại rừng tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016 - 2025, được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 30/7/2018). Năm 2011 UBND huyện B tiến hành khảo sát dự án trồng cây cao su, trong đó có khảo sát tại diện tích rừng mà bị cáo Q tự nhận trông coi, bảo vệ, nhưng chưa kiểm tra đến quyền sử dụng đất thì dự án dừng triển khai. Năm 2016 bị cáo Q đến UBND xã S đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa được thực hiện.

Trong khi chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất, vào thời gian cuối tháng 8 năm 2018 bị cáo Q đã thuê anh Hoàng Văn C trú cùng thôn T mở rộng đường qua khu rừng tự nhiên đến lán của gia đình bị cáo, anh C đồng ý và đã sử dụng chiếc máy xúc của anh Lục Văn D trú tại tổ R, phường K, thành phố M, tỉnh Hà Giang để san ủi, mở đường, chiều rộng trung bình 03 mét, chiều dài 1.005 mét với tổng diện tích là 3.015m². Khi mở đường anh C đã phá bỏ 54 cây gỗ các loại có đường kính từ 03 đến 15cm thuộc gỗ từ nhóm VI đến nhóm VIII (gỗ Kháo, Thầu Dầu, Ba Soi) và 1.042 cây vầu có đường kính 5-7cm.

Sau khi mở đường xong vào khoảng thời gian đầu tháng 9 năm 2018 bị cáo Q nhờ anh Hoàng Hải H là cháu ruột của bị cáo trú cùng thôn T đi phát rừng ở khu vực rừng bị cáo tự nhận trông coi, bảo vệ để trồng cây lâm nghiệp, anh H đồng ý rồi cùng bị cáo Q dùng dao (loại dao quắm và dao bằng) để phát rừng, đến đầu tháng 11 năm 2018 bị cáo và anh H đã phát diện tích 45.328m². Trong khi phát rừng bị cáo và anh H đã chặt, phá 1.006 cây gỗ các loại có đường kính từ < 3 đến 35cm

thuộc gỗ từ nhóm VI đến nhóm VIII (gỗ Kháo, Sồi, Thầu Dầu, Ba Soi) và 17.730 cây vầu có đường kính từ < 5 đến 10cm.

Tổng diện tích bị san ủi, chặt, phá cây rừng là 48.343m²; tổng số cây bị san ủi, chặt, phá gồm 1.060 cây gỗ các loại (Kháo 585 cây, Sồi 109 cây, Ba Soi 201 cây, Thầu Dầu 165 cây) và 18.772 cây vầu. Số cây gỗ, cây vầu này để tại chỗ với ý định chờ cây khô sẽ đốt cháy rồi mới trồng cây mới nhưng đã bị cơ quan chức năng phát hiện. Cơ quan cảnh sát điều tra đã giao cho UBND xã S, huyện B quản lý toàn bộ số cây trên.

Tại Bản kết luận số 67/KL-HĐĐG ngày 19/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quang Bình kết luận: Trị giá 585 cây gỗ Kháo = 32.340.000đ; 109 cây gỗ Sồi = 4.221.000đ; 201 cây gỗ Ba Soi = 6.030.000đ; 165 cây gỗ Thầu Dầu = 3.300.000đ; 18.772 cây vầu = 66.928.000đ. Tổng trị giá là 112.809.000đ.

Tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKS, ngày 14/8/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Hoàng Hưng Q về tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bị cáo đã trông coi, bảo vệ diện tích rừng khu rừng G từ những năm 1973, bị cáo nghĩ rằng mình trông coi, bảo vệ rừng đã lâu là được quyền sử dụng nên đã phát rừng với mục đích trồng cây lâm nghiệp, phát triển kinh tế. Đến nay bị cáo thấy chưa được cấp có thẩm quyền cho phép đã tự ý chặt, phá rừng là vi phạm pháp luật, bị cáo đã bồi thường thiệt hại số tiền theo yêu cầu của bị hại là 40.000.000đ, bị cáo tuổi cao, già yếu, xin được giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện theo ủy quyền của bị hại yêu cầu bị cáo Q bồi thường thiệt hại do hành vi hủy hoại rừng gây ra, số tiền là 40.000.000đ, nộp vào ngân sách nhà nước (theo Biên bản làm việc tại Tòa án giữa UBND huyện và bị cáo ngày 09/9/2019), bị cáo đã thực hiện xong, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Toàn bộ số lâm sản gồm 1.060 cây gỗ các loại và 18.772 cây vầu đã bị chặt khô, giá trị không lớn nên giao cho bị cáo sử dụng.

- Những người làm chứng trình bày khoảng thời gian từ cuối tháng 8 đến đầu tháng 11 năm 2018 có được đi san ủi, mở rộng thêm đường trên đất rừng diện tích 3.015m²; có được hộ phát rừng, chặt, phá diện tích 45.328m² khu rừng G thuộc thôn O, xã S, huyện B là do bị cáo thuê và nhờ làm hộ, chỉ biết khu rừng này bị cáo trông coi lâu năm, không biết rừng chưa được cấp phép.

- Những người tham gia tố tụng khác trình bày khu rừng bị cáo Q phát có tổng diện tích 48.343m², là rừng tự nhiên (rừng hỗn giao gỗ - vầu), thuộc loại rừng sản xuất, thuộc một phần thửa đất số 308, tờ bản đồ số 02 xã S, tỷ lệ 1/10.000 (địa phương gọi là khu rừng G); thuộc lô 39655, khoảnh 7, tiểu khu 330, địa phận thôn O, xã S, huyện B, tỉnh Hà Giang theo Bản đồ điều chỉnh quy hoạch đất lâm nghiệp và ba loại rừng tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016 - 2025, được UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 30/7/2018. Do vị trí ở đầu nguồn nước nên không giao cho cá nhân sử dụng, đồng thời diện tích đất rừng này

thuộc địa phận xã S nên không giao cho hộ gia đình bị cáo sử dụng, năm 2018 bị cáo tự ý phát rừng khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo do không hiểu biết, cho rằng mình trông coi, bảo vệ rừng đã lâu là được quyền sử dụng nên đã phát rừng với mục đích trồng cây lâm nghiệp, phát triển kinh tế, nên cần xem xét cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Hưng Q phạm tội Hủy hoại rừng. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, các điểm b, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 40.000.000đ, bị cáo đã thực hiện xong, nên không xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 con dao (loại dao bằng), 02 con dao (loại dao quắm) là dụng cụ, công cụ phạm tội, không còn giá trị và 01 đoạn gốc cây gỗ Sồi, 01 đoạn gốc cây gỗ Kháo, 01 đoạn gốc cây gỗ Thầu Dầu, 01 đoạn gốc cây gỗ Ba Soi, 01 đoạn gốc cây vầu là vật do bị cáo hủy hoại rừng, không còn giá trị. Cho bị cáo được quyền sử dụng 1.060 cây gỗ các loại và 18.772 cây vầu tại diện tích đất rừng đã chặt, phá.

Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi, cho bị cáo được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát huyện Quang Bình, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp; về tài liệu, chứng cứ do Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người làm chứng; báo cáo vụ việc; biên bản kiểm tra; biên bản khám nghiệm hiện trường kèm lý lịch gỗ, sơ đồ, bản ảnh; biên bản xác định hiện trường kèm sơ đồ, bản ảnh; biên bản định giá tài sản; vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội được thể hiện: Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 8 đến đầu tháng 11 năm 2018, bị cáo Hoàng Hưng Q đã có hành vi thuê Hoàng Văn C dùng máy xúc san ủi, mở đường trên đất rừng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép với diện tích 3.015m² sau đó nhờ Hoàng Hải H cùng bị cáo dùng dao chặt, phá rừng với diện tích 45.328m². Tổng diện tích rừng bị hủy hoại là 48.343m², trạng thái là rừng tự nhiên hỗn giao gỗ - vầu, chức năng là rừng sản

xuất thuộc lô 39655, khoảnh 7, tiểu khu 330, địa phận thôn O, xã S, huyện B, tỉnh Hà Giang. Số lượng, chủng loại cây rừng bị chặt phá là 18.772 cây vầu và 1.060 cây gỗ các loại, tổng trị giá 112.809.000đ.

Theo quy định tại Điều 243 Bộ luật Hình sự:

"1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a)...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm."

a)...

đ) rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m^2) đến dưới 50.000 mét vuông (m^2)".

Như vậy hành vi của bị cáo thuê người san ủi, mở đường trên đất rừng, nhờ người cùng bị cáo chặt, phá rừng khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép ở rừng sản xuất với diện tích 48.343m², gây thiệt hại số lâm sản 18.772 cây vầu và 1.060 cây gỗ các loại, tổng trị giá 112.809.000đ, đã phạm tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát truy tố bị cáo về tội Hủy hoại rừng theo điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng, bảo vệ môi trường. Bị cáo biết rõ khu rừng này chưa được cấp có thẩm quyền giao sử dụng nhưng vẫn thực hiện hành vi san ủi, chặt, phá với số diện tích bị hủy hoại lớn (48.343m²), thuộc tội phạm nghiêm trọng, cần phải xử lý tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội. Tuy nhiên, bị cáo do nhận thức hạn chế, cho rằng mình trông coi, bảo vệ rừng đã lâu là thuộc quyền sử dụng nên đã phát rừng với mục đích trồng cây lâm nghiệp, phát triển kinh tế, mặt khác do cơ quan chuyên môn và UBND xã thiếu sự kiểm tra để phát hiện ngăn chặn kịp thời, dẫn đến tội phạm xảy ra, nên cần xem xét cho bị cáo.

[3] Nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; là người trên 70 tuổi; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, đã tham gia quân đội từ năm 1960 đến năm 1965, là hội viên Hội Nông dân Việt Nam, hội viên Hội Cựu chiến binh, hội viên Hội Người cao tuổi, có thành tích trong công tác khuyến học, khuyến tài và công tác Cựu chiến binh được tặng giấy khen và Kỷ niệm chương, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt. Xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng tự cải tạo bản thân, là người tuổi cao, già yếu. Do đó, thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo được sự giáo dục, cải tạo và đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy, bị cáo không giữ chức vụ gì, làm nghề trồng trọt, sinh sống trong vùng nông thôn, thu nhập thấp và không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, là người cao tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định đối với bị cáo.

[5] Về hành vi làm thuê san ủi, mở đường của anh Hoàng Văn C và hành vi giúp hộ phát rừng của anh Hoàng Hải H là ngay tình, hoàn toàn không biết rừng chưa có giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, nên không bị coi là hành vi vi phạm pháp luật để phải xử lý.

[6] Đối với UBND xã S chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý, bảo vệ diện tích rừng Nhà nước chưa giao, chưa cho thuê trên địa bàn xã theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 102 Luật Lâm nghiệp; Hạt Kiểm lâm huyện B có chức năng quản lý, bảo vệ rừng, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp, nhưng chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ phối hợp với UBND xã S tổ chức bảo vệ rừng thuộc sở hữu toàn dân chưa giao, chưa cho thuê theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 104 Luật Lâm nghiệp. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quang Bình đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý là phù hợp. Không cần thiết phải tiếp tục kiến nghị trong bản án này.

[7] Chiếc máy xúc anh Hoàng Văn C sử dụng là phương tiện thực hiện hành vi hủy hoại rừng, nhưng hành vi san ủi, mở đường thuê là ngay tình, hoàn toàn không biết rừng chưa có giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, nên không bị coi là hành vi vi phạm pháp luật, không bị coi là phương tiện phạm tội, đồng thời chủ sở hữu chiếc máy xúc là anh Lục Văn D đã bán cho một người không rõ tên tuổi, lai lịch vào khoảng tháng 12 năm 2018 nên không truy tìm được. Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ để xử lý là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự trong vụ án: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 40.000.000đ, nộp vào ngân sách nhà nước, do hành vi hủy hoại rừng, xâm phạm đến tài sản, gây thiệt hại 18.772 cây vầu và 1.060 cây gỗ các loại. Xét thấy yêu cầu bồi thường của bị hại là hợp tình, hợp lý theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự và các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Bị cáo đã thực hiện bồi thường xong số tiền 40.000.000đ (phiếu thu số 01, ngày 18/9/2019 của UBND huyện), nên không xem xét.

[9] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 con dao (loại dao bằng), 02 con dao (loại dao quắm) là dụng cụ, công cụ phạm tội, không còn giá trị và 01 đoạn gốc cây gỗ Sồi, 01 đoạn gốc cây gỗ Kháo, 01 đoạn gốc cây gỗ Thầu Dầu, 01 đoạn gốc cây gỗ Ba Soi, 01 đoạn gốc cây vầu là vật do bị cáo hủy hoại rừng, không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Toàn bộ số cây gỗ và cây vầu đã chặt, phá trên diện tích 48.343m² rừng tại khu rừng G, thuộc lô 39655, khoảnh 7, tiểu khu 330, địa phận thôn O, xã S, huyện B, tỉnh Hà Giang giao cho bị cáo sử dụng.

[10] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo có đơn xin miễn toàn bộ án phí đã được Tòa án chấp nhận, nên cho bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Hưng Q phạm tội Hủy hoại rừng.

Về hình phạt: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm b, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Hưng Q 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Hưng Q cho UBND xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Hoàng Hưng Q thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 con dao (loại dao bằng) dài 53cm, bản rộng 5.5cm, sống dao dày 0,5cm, dao có phần lưỡi bằng kim loại dài 30cm, phần chuôi bằng gỗ dài 23cm; 01 (một) con dao (loại dao quắm) dài 45,5cm cả chuôi, bản rộng 4,5cm, dao có phần lưỡi bằng kim loại dài 26cm, phần chuôi bằng gỗ dài 19,5cm; 01 (một) con dao (loại dao quắm) dài 68,2cm cả chuôi, bản rộng 05cm, dao có phần lưỡi bằng kim loại dài 29cm, phần chuôi bằng gỗ hình trụ tròn có chu vi 11cm; 01 (một) đoạn gốc cây gỗ Sồi dài 30cm, đường kính 09cm; 01 (một) đoạn gốc cây gỗ Kháo dài 24cm, đường kính 06cm; 01 (một) đoạn gốc cây gỗ Thầu Dầu dài 30cm, đường kính 09cm; 01 (một) đoạn gốc cây gỗ Ba Soi dài 24cm, đường kính 04cm; 01 (một) đoạn gốc cây vầu dài 24cm, đường kính 04cm.

Tình trạng, đặc điểm chi tiết của vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan điều tra với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình ngày 15/8/2019.

Cho bị cáo được quyền sử dụng 1.060 cây gỗ các loại (Kháo 585 cây, Sồi 109 cây, Ba Soi 201 cây, Thầu Dầu 165 cây) và 18.772 cây vầu đã chặt, phá trên diện tích 48.343m² rừng tại khu rừng G, thuộc lô 39655, khoảnh 7, tiểu khu 330, địa phận thôn O, xã S, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cho bị cáo Hoàng Hưng Q được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000đ.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp Hà Giang;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh;
- VKSND huyện Quang Bình;
- Công an huyện Quang Bình;
- CCTHADS huyện Quang Bình;
- Hạt Kiểm lâm huyện B;
- UBND các xã V, S;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, VP, AV.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Quý